

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện năm 2021 Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện Kbang

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Gia Lai.

Triển khai Công văn số 4501/SKHĐT-QLN ngày 27/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị báo cáo tình hình thực hiện năm 2021 Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo, cụ thể như sau:

1. Căn cứ thực hiện:

Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/04/2021; Công văn số 1004/SKHĐT-KTN ngày 22/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn quy trình triển khai Chương trình hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025. UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện, cụ thể:

- Đối với quy mô mặt đường giao thông: Áp dụng theo Công văn số 1238/SGTVT-QLKCHTGT ngày 14/6/2021 của Sở Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn nội dung giao thông của Chương trình hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

- Công tác huy động đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Luật Đấu thầu và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Kết quả đầu tư phát triển hạ tầng giao thông và kênh mương trong năm 2021

2.1. Hiện trạng năm 2020 và kết quả đầu tư năm 2021

- Đầu tư trực tiếp từ chương trình: 12,2 km đường giao thông (BTXM).
- Đầu tư từ các nguồn vốn lồng ghép khác: Không.
- Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, kiên cố hóa đến năm 2021

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2.2. Kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn

- Tổng kế hoạch vốn năm 2021 đầu tư hạ tầng giao thông trên địa bàn: 11.209,4 triệu đồng, trong đó:

+ Đầu tư trực tiếp từ chương trình: 11.209,4 triệu đồng.

+ Đầu tư từ các nguồn vốn lồng ghép: Không.

- Tổng giải ngân vốn năm 2021 đầu tư hạ tầng giao thông trên địa bàn: 7.080,2 triệu đồng, trong đó:

- + Đầu tư trực tiếp từ chương trình: 7.080,2 triệu đồng
 + Đầu tư từ các nguồn vốn lồng ghép: Không.

(Có các phụ lục 2, 2.1, 2.2, 2.4 kèm theo)

2.3. Công tác duy tu, bảo dưỡng:

Năm 2021, bằng nguồn ngân sách huyện, lồng ghép với các nguồn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với tổng số tiền 4,370 tỷ đồng.

2.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn nâng cao năng lực, đẩy mạnh công tác truyền thông về chương trình: Giao cho các cơ quan chuyên môn huyện thường xuyên trao đổi chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ xã, thôn làng, đặc biệt là tổ giám sát cộng đồng.

3. Các nhiệm vụ được giao tại phần VII, Quyết định 338/QĐ-UBND:

Hội đồng nhân dân huyện đã thống nhất bố trí đối ứng 20.000 triệu đồng từ nguồn tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 để đối ứng chương trình.

4. Việc sử dụng ngân sách tỉnh theo định mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND; việc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương và huy động nguồn hợp pháp khác thực hiện Chương trình.

Việc bố trí đối ứng vốn thực hiện chương trình đã được HĐND huyện thống nhất thông qua tại Nghị quyết 69/NQ-UBND ngày 05/08/2021 về thông qua kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 về thống nhất mức hỗ trợ từ ngân sách huyện cho ngân sách xã, thị trấn để thực hiện chương trình.

5. Kế hoạch triển khai Chương trình năm 2022

Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1). UBND huyện đã trình HĐND huyện bố trí vốn tiền sử dụng đất ngân sách đối ứng, số tiền: 4.900 triệu đồng, phần còn lại sẽ bố trí nguồn kết dư ngân sách huyện.

5.1. Mục tiêu năm 2022

Thực hiện đầu tư kiên cố 16 km đường giao thông với kết cấu bằng bê tông xi măng.

5.2. Kế hoạch vốn năm 2022: 16.000 triệu đồng, trong đó:

- + Đầu tư trực tiếp từ chương trình: 16.000 triệu đồng
 + Đầu tư từ các nguồn vốn lồng ghép: Không

Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./. *Pháo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT-VP. *nhu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Dũng

PHU LUC I

12,2

[illegible]

14

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 15/01/2022 của UBND huyện Khang)

ĐVT: Triệu đồng

		Kế hoạch năm 2021						Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021						Giải ngân đến ngày 31/12/2021						Ghi chú
Stt	Địa bàn	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép							
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				
VIII	Huyện Khang	11.209,4	11.209,4	5.547,0	4.084,4	1.578,0		11.209,4	11.209,4	5.547,0	4.084,4	1.578,0		7.080,2	7.080,2	3.352,9	3.727,4	0,0		
1	Thị trấn Khang	1.557,4	1.557,4	714,5	571,5	271,4		1.557,4	1.557,4	714,5	571,5	271,4		784,5	784,5	213,0	571,5			
2	Xã Đông	1.574,3	1.574,3	819,3	680,7	74,2		1.574,3	1.574,3	819,3	680,7	74,2		1.300,7	1.300,7	620,0	680,7			
3	Xã Nghĩa An	3.864,1	3.864,1	1.791,1	1.207,1	865,9		3.864,1	3.864,1	1.791,1	1.207,1	865,9		1.871,0	1.871,0	1.021,0	850,0			
4	Xã Đắk Hlơ	2.358,1	2.358,1	1.216,0	827,3	314,8		2.358,1	2.358,1	1.216,0	827,3	314,8		1.611,6	1.611,6	784,3	827,3			
5	Xã Kông Bô La	0,0						0,0						0,0	0,0					
6	Xã Kông Long Khong	1.004,3	1.004,3	548,7	426,1	29,5		1.004,3	1.004,3	548,7	426,1	29,5		720,1	720,1	294,0	426,1			
7	Xã Tơ Tung	0,0						0,0						0,0	0,0					
8	Xã Lơ Ku	851,3	851,3	457,4	371,7	22,2		851,3	851,3	457,4	371,7	22,2		792,3	792,3	420,6	371,7			
9	Xã Krong																			
10	Xã Đắk Smar																			
11	Xã Sơ Pai																			
12	Xã Sơm Lang																			
13	Xã Đắk Rong																			

Handwritten signature

PHỤ LỤC 2.1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG TRỰC THÔN, LÀNG VÀ ĐƯỜNG LIÊN THÔN, LÀNG NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 19/01/2022 của UBND huyện Khang)

DVT: Triệu đồng

Stt	Địa bàn	Kế hoạch năm 2021						Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021						Giải ngân đến ngày 31/12/2021						Ghi chú
		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động		
	Huyện Kbang	3.932,4	3.932,4	2.035,3	1.508,1	389,0	0,0	3.932,4	3.932,4	2.035,3	1.508,1	389,0	0,0	2.912,3	1.404,3	1.508,1				
1	Thị trấn Kbang																			
2	Xã Đông	1.574,3	1.574,3	819	680,7	74,2		1.574,3	1.574,3	819	680,7	74,2		1.300,7	620,0	680,7				
3	Xã Nghĩa An																			
4	Xã Đắk Hlơ	2.358,1	2.358,1	1.216	827	314,8		2.358,1	2.358,1	1.216	827	314,8		1.611,6	784,3	827				
5	Xã Kông Bờ La																			
6	Xã Kông Long Khong																			
7	Xã Tơ Tung																			
8	Xã Lơ Ku																			
8	Xã Krong																			
10	Xã Đắk Smar																			
9	Xã Sơ Pài																			
10	Xã Sơn Lang																			
11	Xã Đắk Rong																			

2/2

PHỤ LỤC 2.2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỒNG NGŨ, XÓM NĂM 2021
(Kam) theo Báo cáo số 19 /BC-UBND ngày 19 /01/2022 của UBND huyện Khang

DVT: Triệu đồng

		Kế hoạch năm 2021					Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021					Giải ngân đến ngày 31/12/2021					Ghi chú
Stt	Địa bàn	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn tổng gộp	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn tổng gộp				
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động					
	TỔNG SỐ																
	Huyện Khang	447,4	447,4	231,0	152,9	63,6	0,0	447,4	447,4	231,0	152,9	63,6	0,0				
1	Thị trấn Khang	447,4	447	231	153	63,6		447,4	447	231	153	63,6					
2	Xã Đông																
3	Xã Nghĩa An																
4	Xã Đắk Hlơ																
5	Xã Kông Bô La																
6	Xã Kông Long Khong																
7	Xã Tơ Tung																
8	Xã Lơ Ku																
8	Xã Krong																
10	Xã Đắk Smar																
9	Xã Sơ Pài																
10	Xã Sơn Lang																
11	Xã Đắk Rong																

(Signature)

PHỤ LỤC 2.4

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG NĂM 2021



Kính thư Báo cáo

BC-UBND ngày 19/01/2022 của UBND huyện Kbang

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Địa bàn	Kế hoạch năm 2021						Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021						Giải ngân đến ngày 31/12/2021						Ghi chú
		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp từ CT	Trong đó:			Vốn lồng ghép	
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã	Vốn huy động		
	TỔNG SỐ						0,0	6.829,7	6.829,7	3.280,7	2.423,5	1.125,4	0,0	3.815,0	3.815,0	1.748,6	2.066,4	0,0		
	Huyện Kbang	6.829,7	6.829,7	3.280,7	2.423,5	1.125,4														
1	Thị trấn Kbang	1.110,0	1.110,0	483,6	418,6	207,8	0,0	1.110,0	1.110,0	483,6	418,6	207,8		0,0	431,6	431,6	13,0	418,6		
2	Xã Đông																			
3	Xã Nghĩa An	3.864,1	3.864,1	1.791,1	1.207,1	865,9		3.864,1	3.864,1	1.791,1	1.207,1	865,9		1.871,0	1.871,0	1.021,0	850,0			
4	Xã Đắk Hlơ																			
5	Xã Kông Bờ La																			
6	Xã Kông Long Khong	1.004,3	1.004,3	548,7	426,1	29,5		1.004,3	1.004,3	548,7	426,1	29,5		720,1	720,1	294,0	426,1			
7	Xã Tơ Tung																			
8	Xã Lơ Ku	851,3	851,3	457,4	371,7	22,2		851,3	851,3	457,4	371,7	22,2		792,3	792,3	420,6	371,7			
8	Xã Krong																			
10	Xã Đắk Smar																			
9	Xã Sơ Pài																			
10	Xã Sơn Lang																			
11	Xã Đắk Rong																			

Như

